



Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp

Số 0200453688

ngày 17 tháng 1 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2002. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 17 tháng 1 năm 2018.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Việt Hòa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Trần Xuân Bạo	Thành viên
Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên
Ông Hoàng Trọng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên
Ông Nghiêm Tuấn Anh	Thành viên
Ông Hoàng Tiến Lục	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Bạo	Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc Kỹ thuật

Trụ sở đăng ký

Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc


Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 5 tháng 3 năm 2018



1101
C
CH
K
17/1



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-119-HN



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 5 tháng 3 năm 2018

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1

HÀ NỘI
HÀ NỘI
HÀ NỘI

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		492.369.580.154	605.005.169.022
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	212.263.826.089	331.452.487.098
Tiền	111		106.190.044.298	86.933.677.314
Các khoản tương đương tiền	112		106.073.781.791	244.518.809.784
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		49.155.299.613	32.327.019.444
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	49.155.299.613	32.327.019.444
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		155.425.057.342	130.269.427.359
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	127.310.661.484	112.860.391.893
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.394.685.544	6.230.265.391
Phải thu ngắn hạn khác	136		19.669.272.685	12.128.332.446
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(949.562.371)	(949.562.371)
Hàng tồn kho	140	7	13.369.558.391	9.263.495.588
Hàng tồn kho	141		13.369.558.391	9.263.495.588
Tài sản ngắn hạn khác	150		62.155.838.719	101.692.739.533
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.874.503.041	4.356.051.516
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	13(a)	57.279.316.973	97.283.589.769
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13(a)	2.018.705	53.098.248

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.986.632.759.358	1.792.432.728.397
Các khoản phải thu dài hạn	210		53.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216		53.000.000	-
Tài sản cố định	220		1.201.903.531.492	1.215.129.401.911
Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.190.951.862.741	1.204.039.352.619
Nguyên giá	222		1.924.592.760.668	1.766.478.000.182
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(733.640.897.927)	(562.438.647.563)
Tài sản cố định vô hình	227	9	10.951.668.751	11.090.049.292
Nguyên giá	228		15.967.317.250	14.281.802.663
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.015.648.499)	(3.191.753.371)
Tài sản dở dang dài hạn	240		74.854.105.315	11.150.787.591
Xây dựng cơ bản dở dang	242	10	74.854.105.315	11.150.787.591
Đầu tư tài chính dài hạn	250		112.231.665.142	104.799.316.472
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5(b)	112.076.665.142	104.644.316.472
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(c)	155.000.000	155.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		597.590.457.409	461.353.222.423
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	597.590.457.409	461.353.222.423
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.479.002.339.512	2.397.437.897.419

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		769.456.660.980	881.947.253.829
Nợ ngắn hạn	310		369.161.250.744	296.567.008.267
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	101.421.639.201	62.612.059.106
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.633.659.247	1.454.857.421
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13(b)	12.682.523.598	18.811.034.169
Phải trả người lao động	314		47.306.189.843	41.470.024.939
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	9.572.097.776	14.010.125.062
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	38.592.237.065	60.549.832.296
Vay ngắn hạn	320	16(a)	119.518.000.000	57.689.480.000
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	17	38.434.904.014	39.969.595.274
Nợ dài hạn	330		400.295.410.236	585.380.245.562
Phải trả dài hạn khác	337		30.000.000	40.000.000
Vay dài hạn	338	16(b)	400.265.410.236	585.340.245.562
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.709.545.678.532	1.515.490.643.590
Vốn chủ sở hữu	410	18	1.709.545.678.532	1.515.490.643.590
Vốn cổ phần	411	19	501.123.040.000	455.571.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		501.123.040.000	455.571.420.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		36.047.891.246	36.141.891.246
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	646.581.474.591	598.595.119.872
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		284.888.612.943	258.295.915.770
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		93.167.188.150	53.095.759.134
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		191.721.424.793	205.200.156.636
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		240.904.659.752	166.886.296.702
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.479.002.339.512	2.397.437.897.419

Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Trương Lý Thế Anh
 Phó phòng Kế toán

Người duyệt:





Trần Xuân Bạo
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

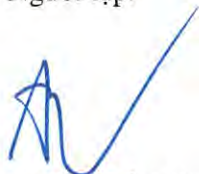
Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	24	1.302.882.705.987	1.082.173.951.147
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		895.119.284.963	686.343.563.988
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		407.763.421.024	395.830.387.159
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	10.460.812.513	17.455.543.632
Chi phí tài chính	22	26	49.909.240.771	43.812.651.138
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		49.628.735.253	43.511.499.423
Phần lãi trong công ty liên kết	24		5.851.648.670	5.681.295.542
Chi phí bán hàng	25	27	14.864.655.867	11.067.480.588
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	60.881.426.069	53.439.170.436
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		298.420.559.500	310.647.924.171
Thu nhập khác	31	29	1.290.472.574	836.659.256
Chi phí khác	32	30	1.226.723.031	263.907.516
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		63.749.543	572.751.740
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		298.484.309.043	311.220.675.911
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	34.656.379.200	49.222.345.962
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		263.827.929.843	261.998.329.949
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		237.278.566.793	251.282.298.636
Cổ đông không kiểm soát	62		26.549.363.050	10.716.031.313
				Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	4.261	4.531

Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:





Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	298.484.309.043	311.220.675.911
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	197.439.781.603	177.443.635.734
Các khoản dự phòng	03	-	(4.065.674.963)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(135.664.367)	(197.188.468)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(16.302.276.241)	(21.074.229.542)
Chi phí lãi vay	06	49.628.735.253	43.511.499.423
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	529.114.885.291	506.838.718.095
Biến động các khoản phải thu	09	11.385.149.381	(36.829.401.258)
Biến động hàng tồn kho	10	(4.106.062.803)	696.921.613
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	13.133.240.536	(51.217.688.395)
Biến động chi phí trả trước	12	(11.560.819.647)	621.191.065
		537.966.392.758	420.109.741.120
Tiền lãi vay đã trả	14	(41.570.625.050)	(32.107.383.407)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(40.844.725.539)	(50.141.331.188)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(27.811.551.260)	(24.348.576.985)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	427.739.490.909	313.512.449.540
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(385.077.478.343)	(456.694.448.384)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	12.768.996.377	469.806.865
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(16.828.280.169)	-
Tiền thu từ bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	46.198.928.229
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(4.222.500.000)	(183.600.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	128.221.716.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	12.843.171.025	21.473.058.207
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(380.516.091.110)	(443.930.939.083)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Nhận tiền góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	31	48.750.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	77.443.164.674	237.991.037.869
Tiền trả nợ gốc vay	34	(200.689.480.000)	(19.550.294.035)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	36	(90.779.126.375)	(86.882.527.400)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36	(1.281.000.000)	(2.303.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(166.556.441.701)	129.255.216.434
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(119.333.041.902)	(1.163.273.109)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	331.452.487.098	332.397.641.629
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	144.380.893	218.118.578
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	212.263.826.089	331.452.487.098

Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:


Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:


Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởngNguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, các hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 6 công ty con (1/1/2017: 6 công ty con) như sau:

	% sở hữu và quyền biểu quyết	
	31/12/2017	1/1/2017
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	100%	100%
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	65%	65%
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh(*)	0%	100%
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	74%	74%
Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh (**)	66.34%	-

(*) Theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 6 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty TNHH MTV Vận tải Ngôi sao Xanh nhận sáp nhập Công ty TNHH MTV Bến Xanh kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2017. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, các thủ tục sáp nhập đã được hoàn thành.

(**) Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và phát triển xanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201768923 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 24 tháng 1 năm 2017.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 3 công ty liên kết (1/1/2017: 2 công ty liên kết) như sau:

	% sở hữu và quyền biểu quyết	
	31/12/2017	1/1/2017
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	31%	31%
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	22%	22%
Công ty TNHH TUYẾN Container T.S. Hà Nội	30%	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 1.035 nhân viên (1/1/2017: 988 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) **Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty hoặc các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) **Tài sản cố định hữu hình**

(i) **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 7 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3 – 10 năm |
| ▪ dụng cụ văn phòng | 3 – 5 năm |

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 35 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) *Thu nhập từ cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh kho bãi và cung cấp các dịch vụ bốc xếp, vận tải container và một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các công ty liên quan đề cập tới các công ty liên kết của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	7.244.233.725	4.526.916.047
Tiền gửi ngân hàng	98.945.810.573	82.406.761.267
Các khoản tương đương tiền	106.073.781.791	244.518.809.784
	212.263.826.089	331.452.487.098

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	49.155.299.613	32.327.019.444
	49.155.299.613	32.327.019.444

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đầu tư góp vốn vào:		
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	14.855.002.950	12.635.002.950
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	95.219.162.192	92.009.313.522
Công ty TNHH Tuyến Container T.S Hà Nội	2.002.500.000	-
	112.076.665.142	104.644.316.472

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Địa chỉ	31/12/2017 và 1/1/2017	
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Đầu tư góp vốn vào: Công ty TNHH MSC Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh	5%	155.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Người bán là các bên liên quan		
Công ty TNHH Tuyến Container T.S Hà Nội	452.059.640	-
Người bán là các bên thứ ba		
Công ty TNHH APL-NOL Việt Nam	3.530.264.488	15.326.752.893
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	5.855.422.814	6.364.125.746
Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Evergreen Việt Nam	13.304.945.107	16.148.252.766
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	4.257.538.221	4.632.933.621
Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam	5.331.090.020	6.604.303.714
Công ty TNHH Bia Carlsberg Việt Nam	2.700.010.323	2.355.236.069
Ikea Supply AG	7.823.991.276	3.407.329.312
Maerk Line A/S	16.193.634.782	701.041.979
Mcc Transport Singapore Pte., Ltd	6.171.725.702	6.399.600
Các khách hàng khác	61.689.979.111	57.314.016.193
	127.310.661.484	112.860.391.893

7. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Nguyên vật liệu	12.609.311.281	8.161.497.422
Công cụ và dụng cụ	8.800.000	168.922.000
Hàng hóa	751.447.110	933.076.166
	13.369.558.391	9.263.495.588

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	698.810.274.600	49.431.237.463	996.155.708.639	22.080.779.480	1.766.478.000.182
Tăng trong năm	8.058.321.818	16.692.781.884	62.033.532.404	5.177.953.994	91.962.590.100
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	87.285.640.266	-	-	-	87.285.640.266
Thanh lý	-	(385.339.451)	(20.748.130.429)	-	(21.133.469.880)
Số dư cuối năm	794.154.236.684	65.738.679.896	1.037.441.110.614	27.258.733.474	1.924.592.760.668
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	189.693.429.666	12.598.229.562	355.435.366.601	4.711.621.734	562.438.647.563
Khấu hao trong năm	54.653.835.640	8.294.387.291	113.694.841.213	3.172.916.269	179.815.980.413
Thanh lý	-	(280.236.806)	(8.333.493.243)	-	(8.613.730.049)
Số dư cuối năm	244.347.265.306	20.612.380.047	460.796.714.571	7.884.538.003	733.640.897.927
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	509.116.844.934	36.833.007.901	640.720.342.038	17.369.157.746	1.204.039.352.619
Số dư cuối năm	549.806.971.378	45.126.299.849	576.644.396.043	19.374.195.471	1.190.951.862.741

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản với nguyên giá 220.409 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 212.527 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 857.421 triệu VND (1/1/2017: 900.259 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 16(b)).

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	5.355.027.273	8.926.775.390	14.281.802.663
Tăng trong năm	-	1.622.688.859	1.622.688.859
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	62.825.728	-	62.825.728
<hr/>			
Số dư cuối năm	5.417.853.001	10.549.464.249	15.967.317.250
<hr/>			
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	3.191.753.371	3.191.753.371
Khấu hao trong năm	-	1.823.895.128	1.823.895.128
<hr/>			
Số dư cuối năm	-	5.015.648.499	5.015.648.499
<hr/>			
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	5.355.027.273	5.735.022.019	11.090.049.292
Số dư cuối năm	5.417.853.001	5.533.815.750	10.951.668.751
<hr/>			

D.T.M.S.A
N.A.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	11.150.787.591	82.695.831.636
Tăng trong năm	154.508.190.186	98.862.170.338
Chi phí lãi vay vốn hóa	554.357.260	1.636.399.132
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(87.285.640.266)	(171.803.613.515)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(62.825.728)	(240.000.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4.010.763.728)	-
Số dư cuối năm	74.854.105.315	11.150.787.591

Các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Mua thiết bị xếp dỡ	71.995.018.917	920.282.877
Hoán cải lắp đặt trọn gói hoàn thiện hệ thống điện của cần cầu RTG-TCM 01	2.307.362.500	2.365.584.000
Nâng cấp hệ thống điều khiển biến tần cho cần cầu RTG/TCM	-	1.964.000.000
Xây dựng nhà kho số 3 tại Xí nghiệp Cảng Viconship	-	5.468.142.100
Các hạng mục khác	551.723.898	432.778.614
Số dư cuối năm	74.854.105.315	11.150.787.591

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	435.498.003.288	25.855.219.135	461.353.222.423
Tăng trong năm	136.984.009.198	57.342.618.018	194.326.627.216
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	4.010.763.728	4.010.763.728
Phân bổ trong năm	(15.799.906.062)	(45.403.953.317)	(61.203.859.379)
Thanh lý	-	(896.296.579)	(896.296.579)
Phân loại lại	(7.428.583.538)	7.428.583.538	-
Số dư cuối năm	549.253.522.886	48.336.934.523	597.590.457.409

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và người bán là các bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Người bán là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	7.290.074.115	6.202.335.381
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	23.542.426	61.078.726
Người bán là các bên thứ ba		
Công ty TNHH Xây dựng và Trang trí Nội thất Thăng Long	16.688.375.614	3.172.345.934
Công ty Cổ phần Vận tải biển Quốc tế VISC	10.573.849.234	1.821.499.680
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Kho vận Hồng Quân	7.452.173.100	857.018.250
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	4.812.510.940	3.412.305.570
Công ty TNHH Quốc tế B2B	5.110.756.112	-
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	2.542.173.316	2.126.370.777
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	-	6.677.459.340
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	-	3.022.444.625
Công ty Cổ phần Greating Fortune Container Việt Nam	-	2.313.688.745
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình thủy	-	-
Cienco 1 - Hải Phòng	-	1.384.022.919
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu	-	1.202.277.120
Các nhà cung cấp khác	46.928.184.344	30.359.212.039
	101.421.639.201	62.612.059.106

Các khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phát sinh tăng trong năm VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	97.283.589.769	109.957.333.319	-	(65.692.072.392)	(84.269.533.723)	57.279.316.973
Thuế thu nhập cá nhân	53.098.248	(553.072.493)	501.992.950	-	-	2.018.705

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số được giảm trong kỳ VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.501.576.073	110.115.934.338	(84.269.533.723)	(25.288.369.157)	-	3.059.607.531
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.889.243.816	34.656.379.200	-	(40.844.725.539)	(243.249.099)	6.457.648.378
Thuế thu nhập cá nhân	548.862.770	4.803.048.741	-	(2.780.608.170)	-	2.571.303.341
Các loại thuế khác	2.871.351.510	11.586.260.881	-	(13.863.648.043)	-	593.964.348
	18.811.034.169	161.161.623.160	(84.269.533.723)	(82.777.350.909)	(243.249.099)	12.682.523.598

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí lãi vay	8.612.467.463	13.040.515.148
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	959.630.313	969.609.914
	<hr/> 9.572.097.776	<hr/> 14.010.125.062

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Kinh phí công đoàn	3.159.611.854	3.932.504.350
Cổ tức phải trả	1.044.094.650	708.937.025
Thu hộ hãng tàu	28.402.752.247	52.998.957.582
Phải trả khác	5.985.778.314	2.909.433.339
	<hr/> 38.592.237.065	<hr/> 60.549.832.296

16. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động tăng trong năm VND	Biến động giảm trong năm VND	31/12/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	57.689.480.000	165.518.000.000	(108.689.480.000)	114.518.000.000
	<hr/> 57.689.480.000	<hr/> 170.518.000.000	<hr/> (108.689.480.000)	<hr/> 119.518.000.000

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Biến động của các khoản vay dài hạn như sau:

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động tăng trong năm VND	Biến động giảm trong năm VND	31/12/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	643.029.725.562	72.443.164.674	(200.689.480.000)	514.783.410.236

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Khoản vay 1 (i)	VND	7%	2019	4.998.500.000	7.856.500.000
Khoản vay 2 (ii)	VND	6,8%	2025	437.341.745.562	630.341.745.562
Khoản vay 3 (iii)	VND	6,8%	2025	72.443.164.674	-
Khoản vay 4	USD	4%	2017	-	4.831.480.000
				514.783.410.236	643.029.725.562
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (a)				(114.518.000.000)	(57.689.480.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				400.265.410.236	585.340.245.562

- (i) Khoản vay này được vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu và được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi sao Xanh, một công ty con của Công ty, có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.440 triệu VND (1/1/2017: 13.187 triệu VND). Khoản vay này có 2.858 triệu VND sẽ đến hạn trả trong vòng 12 tháng.
- (ii) Khoản vay này được vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP, một công ty con của Công ty, có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 760.241 triệu VND (1/1/2017: 851.990 triệu VND). Khoản vay này có 102.000 triệu VND sẽ đến hạn trả trong vòng 12 tháng.
- (iii) Khoản vay này được vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh, một công ty con của Công ty, có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 92.740 triệu VND (1/1/2017: không). Khoản vay này có 9.660 triệu VND sẽ đến hạn trả trong vòng 12 tháng.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	39.969.595.274	34.514.300.259
Trích lập trong năm	24.201.860.000	27.094.872.000
Sử dụng trong năm	(25.736.551.260)	(21.639.576.985)
Số dư cuối năm	<u>38.434.904.014</u>	<u>39.969.595.274</u>

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	414.160.420.000	36.141.891.246	537.563.930.272	274.832.862.734	168.473.265.389	1.431.172.369.641
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	251.282.298.636	10.716.031.313	261.998.329.949
Phân bổ vào các quỹ	-	-	61.031.189.600	(61.031.189.600)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(27.094.872.000)	-	(27.094.872.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	41.411.000.000	-	-	(128.384.184.000)	(2.303.000.000)	(89.276.184.000)
Ảnh hưởng của giao dịch chuyển nhượng vốn giữa các cổ đông của công ty con	-	-	-	(2.709.000.000)	-	(2.709.000.000)
	-	-	-	(48.600.000.000)	(10.000.000.000)	(58.600.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2017	455.571.420.000	36.141.891.246	598.595.119.872	258.295.915.770	166.886.296.702	1.515.490.643.590
Vốn góp	-	-	-	-	48.750.000.000	48.750.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	237.278.566.793	26.549.363.050	263.827.929.843
Phân bổ vào các quỹ	-	-	47.986.354.719	(47.986.354.719)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(24.201.860.000)	-	(24.201.860.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	45.551.620.000	-	-	(136.665.904.000)	(1.281.000.000)	(92.395.284.000)
Các biến động khác	-	(94.000.000)	-	(2.075.000.000)	-	(2.075.000.000)
	-	-	-	243.249.099	-	149.249.099
Số dư tại ngày 31/12/2017	501.123.040.000	36.047.891.246	646.581.474.591	284.888.612.943	240.904.659.752	1.709.545.678.532

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	50.112.304	501.123.040.000	45.557.142	455.571.420.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	50.112.304	501.123.040.000	45.557.142	455.571.420.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	50.112.304	501.123.040.000	45.557.142	455.571.420.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2017		2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	45.557.142	455.571.420.000	41.416.042	414.160.420.000
Phát hành cổ phiếu trong năm để trả cổ tức (Thuyết minh 21)	4.555.162	45.551.620.000	4.141.100	41.411.000.000
Số dư cuối năm	50.112.304	501.123.040.000	45.557.142	455.571.420.000

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Cổ tức

Ngày 24 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền cho năm 2016 với mức 10% mệnh giá cổ phần (1.000 VND trên một cổ phiếu) với tổng giá trị 45.557 triệu VND.

Ngày 24 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty cũng phê duyệt việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10% mệnh giá cổ phần. Ngày 8 tháng 12 năm 2017, Công ty đã phát hành 4.555.162 cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt việc tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2017 với mức 10% mệnh giá cổ phần (1.000 VND trên một cổ phiếu) với tổng giá trị 45.557 triệu VND.

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	3.260.944.800	6.951.304.800
Trong vòng hai đến năm năm	13.043.779.200	16.734.139.200
Sau năm năm	23.075.431.812	26.336.376.612
	39.380.155.812	50.021.820.612

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.013.813	22.980.529.886	1.417.750	32.216.677.191
EUR	19.490	526.571.906	-	-

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

25. Doanh thu hoạt động tài chính

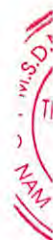
	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	9.451.371.025	13.218.127.135
Cổ tức	750.000.000	1.700.000.000
Lãi từ giao dịch chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	5.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	259.441.488	2.532.416.497
	<hr/> 10.460.812.513	<hr/> 17.455.543.632 <hr/>

26. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	49.628.735.253	43.511.499.423
Lỗ chênh lệch tỷ giá	280.505.518	301.151.715
	<hr/> 49.909.240.771	<hr/> 43.812.651.138 <hr/>

27. Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân công	4.030.807.363	1.619.532.532
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.451.893.057	5.448.414.586
Chi phí khác	3.381.955.447	3.999.533.470
	<hr/> 14.864.655.867	<hr/> 11.067.480.588 <hr/>



Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân công	30.939.549.176	28.468.281.614
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.781.978.457	3.749.957.371
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.064.730.997	15.194.430.896
Chi phí khác	9.095.167.439	6.026.500.555
	60.881.426.069	53.439.170.436

29. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	1.267.272.729	477.818.182
Thu nhập khác	23.199.845	358.841.074
	1.290.472.574	836.659.256

30. Chi phí khác

	2017 VND	2016 VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định và chi phí thanh lý	1.018.016.183	8.011.317
Chi phí khác	208.706.848	255.896.199
	1.226.723.031	263.907.516

31. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	82.813.349.773	50.044.763.613
Chi phí nhân công	184.251.979.710	160.410.400.729
Chi phí khấu hao và phân bổ	197.439.781.603	177.443.635.734
Chi phí dịch vụ mua ngoài	391.824.845.013	279.741.872.212
Chi phí khác	114.535.410.800	83.209.542.724

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	34.332.958.640	48.411.182.379
Dự phòng thiếu trong những năm trước	323.420.560	811.163.583
	34.656.379.200	49.222.345.962

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	298.484.309.043	311.220.675.911
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	59.696.861.809	62.244.135.182
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi và các mức thuế suất khác áp dụng tại các công ty con	(13.378.664.194)	(6.692.403.460)
Miễn thuế, giảm thuế	(11.591.068.709)	(6.669.830.319)
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	912.043.858	983.070.084
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(1.320.329.734)	(1.453.789.108)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(219.743.098)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	(3.317.789)	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	323.420.560	811.163.583
Do ảnh hưởng của bút toán hợp nhất	237.176.497	-
	34.656.379.200	49.222.345.962

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong năm 2017 (năm 2016: 20%).

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Theo Giấy chứng nhận Đầu tư, Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh (“GLC”), Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“VGP”) và Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển xanh (“GIC”), các công ty con của Công ty, có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (từ năm 2013 đến năm 2027 đối với GLC, từ năm 2016 đến năm 2030 đối với VGP và từ năm 2017 đến năm 2031 đối với GIC), và được miễn thuế thu nhập trên lợi nhuận tính thuế trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2013 đến năm 2016 đối với GLC, từ năm 2016 đến năm 2019 đối với VGP và từ năm 2017 đến năm 2020 đối với GIC) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Các công ty con còn lại có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi trong năm 2017 là 20% (2016: 20%).

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017 VND	2016 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm	237.278.566.793	251.282.298.636
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	(23.728.000.000)	(24.201.860.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	213.550.566.793	227.080.438.636

(*) Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty ngày 24 tháng 3 năm 2017 phê duyệt mức trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016 với số tiền 24.201 triệu VND và dự kiến trích quỹ khen thưởng và phúc lợi với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế của năm 2017, ước tính là 23.728 triệu VND.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2017 VND	2016 VND Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	45.557.142	41.416.042
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tại ngày 20 tháng 6 năm 2016	-	4.141.100
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tại ngày 8 tháng 12 năm 2017	4.555.162	4.555.162
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	50.112.304	50.112.304

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

(iii) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2015, được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, được tính toán dựa trên ước tính về số lợi nhuận sẽ được phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi. Số ước tính này chênh lệch đáng kể so với số thực tế được phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Ngoài ra, trong năm 2017, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 21). Do vậy, số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bị thay đổi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được điều chỉnh lại như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	45.557.142	4.967
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc phân bổ lợi nhuận thuần vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 3(r))	-	18
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu tại ngày 8 tháng 12 năm 2017	4.555.162	(454)
Số điều chỉnh lại	50.112.304	4.531

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ</i>		
Sử dụng dịch vụ	54.260.225.905	33.816.136.666
<i>Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng</i>		
Sử dụng dịch vụ	317.680.000	392.998.909
Mua cổ phiếu	2.220.000.000	-
Cổ tức được chia	2.641.800.000	-
<i>Công ty TNHH Tuyển Container T.S Hà Nội</i>		
Góp vốn	2.002.500.000	-
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	2.973.738.533	2.596.895.444
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao	1.895.000.000	2.709.000.000

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2017 VND	2016 VND
Trả cổ tức thông qua phát hành cổ phiếu phổ thông	45.551.620.000	41.411.000.000

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

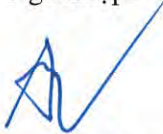
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Số liệu so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

